Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8534.00.30

Mã HS	8534.00.30
Mô tả hàng hóa	Mạch in / - Nhiều lớp
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 20:02:29
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85340030/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15743
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15743
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15743
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15077
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15009
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15009
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15009
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15009
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15009
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15009
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15063
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15063
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15063

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15063
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15063
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15063
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15064
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15064
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15064
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15064
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15064
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15064
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15067
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15015
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15023
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15023
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15023
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15023
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15023
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15023
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15063
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15063
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15063
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15063
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15063
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15063
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15118
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15118
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15118

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15118
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15118
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15118
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15097
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15097
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15097
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15097
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15097
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15097
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15095
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15095
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15095
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15095
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15095
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15095
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15101
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15101
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15101
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15101
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15101
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15101
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15100
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15100
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15100
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15100
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15100

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15100
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15093
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15093
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15093
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15093
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15093
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15093
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15093
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15088
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15088
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15088
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15088
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15088
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15088
RCEP B	2022	2022	0	B!D15088
RCEP B	2023	2023	0	B!E15088
RCEP B	2024	2024	0	B!F15088
RCEP B	2025	2025	0	B!G15088
RCEP B	2026	2026	0	B!H15088
RCEP B	2027	2027	0	B!I15088
RCEP C	2022	2022	0	C!D15088
RCEP C	2023	2023	0	C!E15088
RCEP C	2024	2024	0	C!F15088
RCEP C	2025	2025	0	C!G15088
RCEP C	2026	2026	0	C!H15088
RCEP C	2027	2027	0	C!I15088

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D15087
RCEP D	2023	2023	0	D!E15087
RCEP D	2024	2024	0	D!F15087
RCEP D	2025	2025	0	D!G15087
RCEP D	2026	2026	0	D!H15087
RCEP D	2027	2027	0	D!I15087
RCEP E	2022	2022	0	E!D15091
RCEP E	2023	2023	0	E!E15091
RCEP E	2024	2024	0	E!F15091
RCEP E	2025	2025	0	E!G15091
RCEP E	2026	2026	0	E!H15091
RCEP E	2027	2027	0	E!I15091
RCEP F	2022	2022	0	F!D15088
RCEP F	2023	2023	0	F!E15088
RCEP F	2024	2024	0	F!F15088
RCEP F	2025	2025	0	F!G15088
RCEP F	2026	2026	0	F!H15088
RCEP F	2027	2027	0	F!I15088
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14057
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14057
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14057
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14057

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8534.00 có 4 dòng thuế; dòng 8534.00.30 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Nhiều lớp.	8534.00.10 Một mặt; 8534.00.20 Hai mặt; 8534.00.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8534.00.30. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8534.00.30 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15743), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.